TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ HÓA

DANH SÁCH XIN MỞ LỚP ÍT
HỌC KỲ 1 (2017 - 2018)

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Số TC	Số lượn	Tổng	Đăng ký	Thời Gian Học	Tên Giáo Viên	Đề xuất	Ghi Chú
1	11076941	Trương Văn	Phong	DHTB7	213300401	Anh văn chuyên ngành	3	1		x				
2	15119451	Đoàn Thanh	Hải	DHHO11BVL						x				
3	15119431	Nguyễn Văn	Linh	DHHO11BVL						x				
4	15114321	Trương Huy	Phước	DHHO11AVL	280415501	Anh văn chuyên ngành công nghệ hóa học 2	2	5		x				
5	15122381	Vũ Thị Hồng	Thắm	DHHO11BVL						x				
6	15122851	Cao Chí	Thành	DHHO11BVL						x				
7	12015841	Hoàng Ngọc	Anh	DHHD8A						x				
8	13049751	Đỗ Thị Minh	Ngọc	DHPT9A	210407901	Anh văn chuyên ngành hóa học	2	2	14		V13.04 - Thứ 2 [14 - 16]	Nguyễn Văn Cường	**Học 100% (30 tiết)**	
9	13032021	Ngô Văn	Cường	DHHD9A						x				
10	13093071	Dương Hoàng	Trí	DHHO9BTT										
11	13027721	Lê Bảo	Châu	DHHO9BTT	250431501	Anh văn chuyên ngành Công nghệ Vô cơ	2	3						
12	13088291	Lê Nguyễn Đình	Thuận	DHHO9BTT										
13	13097891	Huỳnh Nguyên Khánh	Trình	DHHO9BTT	250431401	Anh văn chuyên ngành Công nghệ Hữu cơ	2	1						
14	13071531	Phạm Hữu	Nghĩa	CDPT15A	110415301	Anh văn chuyên ngành Công nghệ Hóa học 1	2	2						
15	13047651	Đặng Trung	Toàn	CDPT15A										
16	15118901	Trần Tuấn	Anh	DHHO11BVL						x				
17	15122391	Phạm Hoàng	Hải	DHHO11BVL						x				
18	15112401	Phạm Nguyễn Kim	Hằng	DHHO11AVL						x				
19	14145751	Lê Sơn	Hậu	DHHO10AVLN						x				
20	15120471	Phạm Phúc	Hậu	DHHO11BVL						x				
21	14145251	Trần Thị Thu	Hiền	DHHO10AVL						x				
22	15120751	Nông Khắc	Huy	DHHO11BVL						x				
23	15119431	Nguyễn Văn	Linh	DHHO11BVL	280445001	Các quá trình thiết bị công nghệ Hóa học	3	14	14	x	V7.04 - Thứ 4 [14 - 16]	Phạm Văn Hưng	**Học 100% (45 tiết)**	
24	15122531	Nguyễn Xuân	Mạnh	DHHO11BVL						x				

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Số TC	Số lượn	Tổng	Đăng ký	Thời Gian Học	Tên Giáo Viên	Đề xuất	Ghi Chú
25	14145071	Lại Hoài	Nam	DHHO10AVLN						x				
26	16079841	Bùi Hoàng Phi	Phụng	DHHO12AVL						x				
27	15118971	Trần Đỗ Đình	San	DHHO11BVL						x				
28	15122851	Cao Chí	Thành	DHHO11BVL						x				
29	15114361	Nguyễn Hoàng	Triều	DHHO11AVL						x				
30	15055941	Phạm Thị Hoài	Linh	CDHO17AKS	160440501	Các quá trình và thiết bị cơ học	4	3	12	x	V7.03 - Thứ 6 [14 - 16], F3.03 - Thứ 7 [7 - 11]	Lê Nhất Thống	**Học 50% (30 tiết)**	
31	15026411	Trần Thanh	Long	CDHO17AKS						x				
32	15085911	Nguyễn Sỹ Đông	Phương	CDHO17AKS						x				
33	14148591	Bùi Trung	Hiếu	CDHO16A	110440501	Các quá trình và thiết bị cơ học	4	9		x				
34	14126811	Dương Hồng	Non	CDHO16A						x				
35	14070261	Nguyễn Quốc	Phong	CDHO16A						x				
36	14089051	Nguyễn Huỳnh	Phương	CDHO16A						x				
37	14129271	Nguyễn Ngô	Quyền	CDHO16A						x				
38	14019901	Trần Thiện	Thành	CDHO16A						x				
39	14000505	Nguyễn Phạm Thanh	Thu	CDHO16A						x				
40	14104711	Trương Đình	Trung	CDHO16A						x				
41	14099021	Lưu Thị Như	ý	CDHO16A						x				
42	14084061	Bồ Xuân	Cảnh	CDHO16A	110448401	Công nghệ gốm-sứ	3	9	9	x	A4.02 - Thứ 8 [10 - 12]	Đoàn Mạnh Tuấn	**Học 50% (23 tiết)**	
43	14100141	Trần Lê Quốc	Cường	CDHO16A						x				
44	14000345	Lê Văn	Đạt	CDHO16A						x				
45	14108391	Huỳnh Thanh Ngọc	Huyền	CDHO16A						x				
46	14126811	Dương Hồng	Non	CDHO16A						x				
47	14103801	Trần Thanh	Tâm	CDHO16A						x				
48	14019901	Trần Thiện	Thành	CDHO16A						x				
49	14104711	Trương Đình	Trung	CDHO16A						x				
50	14099021	Lưu Thị Như	ý	CDHO16A						x				
51	13055421	Mai Thị	Khuê	CDPT15A	110408801	Cơ sở lý thuyết hóa phân tích 2	2	5	10	x	V7.02 - Thứ 8 [2 - 4]	Nguyễn Quốc Thắng	**Học 50% (23**	
52	13081761	Đinh Trọng	Nghĩa	CDPT15A						x				
53	13071531	Phạm Hữu	Nghĩa	CDPT15A						x				
54	13090781	Võ Ngọc	Nhân	CDPT15A						x				
55	13102441	Nguyễn Minh	Trí	CDPT15A						x				

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Số TC	Số lượn	Tổng	Đăng ký	Thời Gian Học	Tên Giáo Viên	Đề xuất	Ghi Chú
56	13021791	Đoàn Thị Thu	Hà	DHPT9A	210401901	Cơ sở lý thuyết Hóa phân tích 2	3	5	10	x	V7.02 - Thứ 6 [2 - 4]	Nguyễn Quốc Thắng	tiết)	
57	13040691	Nguyễn	Lịch	DHPT9A						x				
58	13049751	Đỗ Thị Minh	Ngọc	DHPT9A						x				
59	12133461	Mai Kim	Sang	DHPT8A						x				
60	13022151	Vũ Đặng Thanh	Trang	DHPT9A						x				
61	12056741	Phạm Ngọc	Anh	DHHD8A	280402201	Cơ sở thiết kế và chế tạo thiết bị hóa chất	2	13	14	x	A4.07 - Thứ 8 [7 - 9]	Trương Văn Minh	Học 100% (30 tiết)	
62	14145751	Lê Sơn	Hậu	DHHO10AVLN						x				
63	15110811	Phan Văn	Hội	DHHO11AVL						x				
64	15120751	Nông Khắc	Huy	DHHO11BVL						x				
65	12167531	Trần Đình	Hùng	DHHD8AVL						x				
66	15115861	Hồ Duy	Khánh	DHHO11AVL						x				
67	13033631	Cao Thành	Lân	DHHD9A						x				
68	15119431	Nguyễn Văn	Linh	DHHO11BVL						x				
69	11030001	Nguyễn Hữu	Luân	DHHO7						x				
70	15116161	Vũ Dai	Luân	DHHO11AVL						x				
71	15122531	Nguyễn Xuân	Mạnh	DHHO11BVL						x				
72	15122851	Cao Chí	Thành	DHHO11BVL						x				
73	13039851	Ngô Thị Mỹ	Trang	DHHD9A						x				
74	13097891	Huỳnh Nguyên Khánh	Trình	DHHO9BTT	250402201	Cơ sở thiết kế và chế tạo thiết bị hóa chất	2	1						
75	11026111	Nguyễn Hồng	Phương	DHHD7	210414901	Chuyên đề chuyên ngành hóa dầu	2	1	1	x	F7.07 - Thứ 8 [2 - 4]	Bạch Thị Mỹ Hiền	Học 20% (6 tiết) và làm báo cáo chuyên đề	
76	11029301	Nguyễn Minh	Vương	DHTB7	213322501	Chuyên đề: Máy gia công vật liệu rắn và dẻo	2	1	1	x	F7.07 - Thứ 7 [3 - 4]	Nguyễn Hữu Trung	Học 20% (6 tiết) và làm báo cáo chuyên đề	
77	11029301	Nguyễn Minh	Vương	DHTB7	213319801	Chuyên đề: Máy lạnh và thiết bị nhiệt	2	1	1	x	F7.07 - Thứ 7 [5 - 6]	Trần Hoài Đức	Học 20% (6 tiết) và làm báo cáo chuyên đề	
78	13025441	Phạm Đức	An	CDHO15A	110404301	Gia công polymer	2	4	4	x	A4.06 - Thứ 8 [3 - 4]	Trần Thanh Đại	Học 50% (15 tiết)	
79	13052671	Trần Ngọc	Hậu	CDHO15A						x				
80	13091171	Nguyễn Chí	Ngoan	CDHO15A						x				
81	13028731	Cao Thị Bích	Phương	CDHO15A						x				

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Số TC	Số lượn	Tổng	Đăng ký	Thời Gian Học	Tên Giáo Viên	Đề xuất	Ghi Chú
82	15101131	Phạm Phúc	Lộc	CDHO17AKS	160441901	Hóa hữu cơ	4	2	2	x	Thứ 8 [7 - 9]	Trần Nguyễn Minh Ân	**Học 20% (12 tiết)**	
83	15015431	Tiêu Thuận	Phát	CDHO17AKS						x				
84	15095831	Huỳnh Thị Thúy	Vy	CDHO17AKS	160442101	Hóa lý 1 (Nhiệt động và Động hóa học)	4	1	1	x	Thứ 3 [14 - 16], - Thứ 5 [14 - 16]	Nguyễn Minh Quang	**Học 20% (12 tiết)**	
85	15026411	Trần Thanh	Long	CDHO17AKS	160442401	Hóa phân tích	3	2	2	x	Thứ 4 [14 - 16]	Trần Cẩm Thuý	**Học 20% (12 tiết)**	
86	15085911	Nguyễn Sỹ Đông	Phương	CDHO17AKS						x				
87	14128191	Hồ Văn	Bắc	CDHO16AKS	160442501	Hóa vô cơ	4	7	7	x	V12.04 - Thứ 8 [4 - 6]	Bùi Thị Diễm	**Học 50% (30 tiết)**	
88	14130131	Lê Thị Như	Hạnh	CDHO16AKS						x				
89	14135911	Trần Võ Phúc	Hậu	CDHO16AKS						x				
90	14124991	Trần Văn	Hoàng	CDHO16AKS						x				
91	14135401	Hồ Thị Thanh	Lan	CDHO16AKS						x				
92	14128721	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	CDHO16AKS						x				
93	15069351	Nguyễn Cẩm	Tú	CDHO17AKS						x				
94	15063041	Lê Thị Thùy	Giang	CDHO17AKS	160443301	Phân tích công nghiệp	2	4	4	x	A4.05 - Thứ 8 [10 - 12]	Trần Cẩm Thuý	**Học 50% (15 tiết)**	
95	15079781	Lưu Thúy	Huyên	CDHO17AKS						x				
96	15026411	Trần Thanh	Long	CDHO17AKS						x				
97	15015431	Tiêu Thuận	Phát	CDHO17AKS						x				
98	13021011	Phan Thành	Hiếu	DHHD9A	210408101	Tin học ứng dụng chuyên ngành hóa	2	2	3	x	F0.03 - Thứ 7 [2 - 6]	Phạm Thành Tâm	**Học 20% (6 tiết)**	
99	11042891	Nguyễn Thành	Lộc	DHPT7						x				
100	13027721	Lê Bảo	Châu	DHHO9BTT	250408101	Tin học ứng dụng chuyên ngành hóa	2	1						
101	11061671	Nguyễn Thị Huyền	Mi	DHHD7	210413301	Tồn trữ và vận chuyển các sản phẩm dầu khí	2	2	1	x	A4.04 - Thứ 6 [14 - 16]	Trần Ngọc Thắng	**Học 20% (6 tiết)**	
103	15026411	Trần Thanh	Long	CDHO17AKS	160446801	Truyền nhiệt	3	6	6	x	Thứ 2 [14 - 16]	Nguyễn Miinh Tiến	**Học 50% (23 tiết)**	
104	15015431	Tiêu Thuận	Phát	CDHO17AKS						x				
105	15103931	Lương Thị Thanh	Thủy	CDHO17AKS						x				
106	15101051	Phan Thị Anh	Thư	CDHO17AKS						x				
107	15088741	Hồ Thị Hoài	Thương	CDHO17AKS						x				
108	15107871	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	CDHO17AKS						x				
110	12131961	Trần Văn	Diễn	CDPT14A	110400501	Các phương pháp phân tích hóa lý	3	2	2			Nguyễn Văn Trọng	**Học 20% (9 tiết)**	
111	13047651	Đặng Trung	Toàn	CDPT15A										
112	12131961	Trần Văn	Diễn	CDPT14A	110416801	Kỹ thuật phân tích 2 (MT, TP)	2	2	2			Trần Thị Thanh Thúy	**Học 20% (6 tiết)**	
113	13102441	Nguyễn Minh	Trí	CDPT15A										
114	13040761	Nguyễn Duy	Ngọc	DHHO9A	210400201	An toàn lao động	1	2	2			Đoàn Mạnh Tuấn	**Học 20% (6**	

TT	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Lớp Học Phần	Tên Học Phần	Số TC	Số lượn	Tổng	Đăng ký	Thời Gian Học	Tên Giáo Viên	Đề xuất	Ghi Chú
115	11042891	Nguyễn Thành	Lộc	DHPT7	210400201	An toàn lao động	1	2	2			Đoàn Mạnh Tuấn	tiết)	
116	13030721	Nguyễn Ngọc	Đoàn	DHPT9A	210409501	Kỹ thuật phân tích 1 (VC, HC)	2	1	2			Hồ Văn Tài	Học 20% (6 tiết)	
117	13071531	Phạm Hữu	Nghĩa	CDPT15A	110409501	Kỹ thuật phân tích 1 (VC, HC)	2	1						

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2017

Phòng Đào Tạo **Trưởng Khoa** **Giáo vụ**